

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu về gói thầu

1. Phạm vi công việc của gói thầu

1.1. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Cải tạo, chỉnh trang ao cửa làng thôn Kính Nỗ, xã Uy Nỗ chống lấn chiếm đất công, tạo cảnh quan, môi trường sống văn minh, góp phần đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, nâng cao chất lượng sống cho nhân dân.

1.2. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

Cải tạo, chỉnh trang ao cửa làng thôn Kính Nỗ, xã Uy Nỗ gồm:

- Tuyến 1 có chiều dài L=168,8m, chiều rộng trung bình 4,5m. Thiết kế mặt đường dốc 2 mái, độ dốc 1,5%. Sử dụng kết cấu áo đường thảm 1 lớp BTN C12.5. Bó vỉa bê tông 15x15, rãnh đan KT 20x20 hai bên của tuyến.

- Tuyến 1 có chiều dài L=51,65m, chiều rộng trung bình 4,5-5,5m. Thiết kế mặt đường dốc 2 mái, độ dốc 1,5%. Sử dụng kết cấu áo đường thảm 1 lớp BTN CA9.5. Bó vỉa bê tông 15x15, rãnh đan KT 20x20 hai bên của tuyến. Tiến hành bổ sung rãnh giữa BxH 1000x1000 để đảm bảo khả năng thoát nước.

- Kết cấu mặt đường thảm 1 lớp (KC1): Thảm 1 lớp BTN C12.5 dày 7cm.

- Kết cấu vỉa hè (KC2): Gạch bê tông giả đá 30x15. Vữa xi măng M75 dày 2cm. Lớp bê tông lót M150 dày 10cm. Lớp nilon lót chống mất nước.

- Rãnh thoát nước B400 dài 168,5m: Rãnh xây gạch không nung vữa xi măng M75, trát tường bên trong vữa xi măng M75 dày 2cm. Đáy bằng bê tông M150 đá 2x4 dày 15cm, đệm cát đen đầm chặt K95 dày 5cm. Nắp rãnh bằng bê tông cốt thép M250 đá 1x2 dày 12cm.

- Rãnh thoát nước B300 dài 31,6m: Rãnh xây gạch không nung vữa xi măng M75, trát tường bên trong vữa xi măng M75 dày 2cm. Đáy bằng bê tông M150 đá 2x4 dày 15cm, đệm cát đen đầm chặt K95 dày 5cm. Nắp rãnh bằng bê tông cốt thép M250 đá 1x2 dày 12cm.

- Thiết kế kè ao: Chiều dài 205,05m; kết cấu: Đá hộc ốp mái vữa xi măng M100. Bê tông lót đá 2x4 M150 dày 10cm; Nilon chống mất nước. Kết cấu kè: Bên dưới móng được gia cố đóng cọc tre D=8-10 cm mật độ 25 cọc/m² với chiều dài cọc L=2,5cm, bên trên đệm cát đầu cọc dày 10cm, lớp nilon chống mất nước, lớp BT M150 đá 2x4 dày 10cm, phần móng kè bằng MTXM M250 đá 1x2, thân tường kè được làm bằng BTXM M250 đá 1x2 cao 1,5m.

- Thiết kế lan can bờ ai: Chiều dài 442,1m, xây gạch lắp con tiện xi măng.

- Thiết kế xây xanh (20 cây): Trồng cây Bằng Đài Loan bồn cây bao quanh khuôn viên cây xanh, khoảng cách 5m/cây.

- Thiết kế chiếu sáng: Hệ thống chiếu sáng khuôn viên và đường dạo sử dụng 13 cột năng lượng mặt trời P70W/bóng đặt ở các góc sân, lồi ra vào cổng.

- Lắp đặt thiết bị thể dục thể thao ngoài trời.

* Chi tiết theo thiết kế bản vẽ thi công được duyệt.

2. Thời hạn hoàn thành: 180 ngày.

Khối lượng và Dự toán (Giá) gói thầu đang được lập tương ứng mức thuế VAT là 10%. Để có căn cứ đưa về một mặt bằng đánh giá về tài chính, nhà thầu phải lập giá dự thầu chào cụ thể mức thuế VAT là 10%. Tại thời điểm thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ xác định giá trị khối lượng xây dựng hoàn thành tương ứng với mức thuế VAT tại thời điểm nghiệm thu, thanh toán.

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

Thời gian thi công tính theo ngày dương lịch (kể cả ngày làm việc và các ngày nghỉ lễ). Nhà thầu tự xây dựng tiến độ cho mình bao gồm: Tổng tiến độ thi công cả công trình, tiến độ thi công từng hạng mục công trình phù hợp với yêu cầu thiết kế và yêu cầu bên mời thầu, phù hợp với định mức hao phí về nhân công, máy móc thiết bị và đảm bảo quy định pháp luật về lao động.

Thời gian thi công tính từ ngày khởi công theo yêu cầu của bên mời thầu cho đến ngày hoàn thành, nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng (ghi rõ tổng số ngày thi công). Tài liệu và tiến độ thực hiện hợp đồng bao gồm: biểu tiến độ thi công, tiến độ thi công chi tiết, thuyết minh các điều kiện đảm bảo tiến độ thi công;

Biện pháp bảo đảm tiến độ: phải chi tiết, cụ thể, phù hợp với giải pháp kỹ thuật, biện pháp kỹ thuật thi công đề xuất thực hiện gói thầu;

III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật

Các quy trình, quy phạm áp dụng cho thi công, nghiệm thu công trình là tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn ngành hiện hành. Các giải pháp công nghệ do nhà thầu chọn và lập nhưng phải đảm bảo giải pháp thi công là hợp lý, tuân thủ các quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

1) Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công:

Giải pháp, biện pháp kỹ thuật thực hiện gói thầu do nhà thầu lập phải cụ thể, chi tiết, bao gồm các nội dung chính sau:

- a) Chuẩn bị mặt bằng công trình;
- b) Sơ đồ và thuyết minh tổ chức bộ máy công trường;
- c) Tập kết máy móc thiết bị, nhân sự để triển khai thi công;
- d) Thuyết minh biện pháp thi công tổng thể; phân đoạn, phân khu; bố trí các mũi thi công;
- đ) Thiết kế biện pháp thi công, bao gồm:
 - + Thiết kế tổng mặt bằng công trình;
 - + Bản vẽ biện pháp kỹ thuật thi công cho các công tác chính của gói thầu;
 - + Biện pháp bảo đảm an toàn cho người, máy móc thiết bị và công trình;
 - + Biện pháp không làm ảnh hưởng công trình lân cận, hệ thống kỹ thuật (nếu có);
 - + Biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, an toàn;
 - + Biện pháp đảm bảo giao thông trong quá trình triển khai thi công;

Các bản vẽ chi tiết phải phù hợp với bản vẽ tổng mặt bằng, phù hợp với hiện trạng và hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công công trình; phù hợp với tiến độ triển khai gói thầu;

e) Quy trình thi công và nghiệm thu, áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho các công tác chính của gói thầu, bao gồm:

- + Công tác đào, đắp;
- + Công tác vận chuyển đất đá phế thải;

- + Công tác thi công đường: đổ bê tông nền đường; rải thảm bê tông nhựa;
- + Công tác thi công bó vỉa, lát đan rãnh
- + Công tác thi công xây; trát;
- + Công tác thi công hệ thống thoát nước;
- + Công tác thi công cây xanh
- + Công tác thi công điện chiếu sáng.
- + Công tác thi công nâng đồng hồ nước;
- + Công tác thi công tường kè;
- f) Quản lý chất lượng vật tư đưa vào sử dụng cho gói thầu;
- g) Quản lý lao động trên công trường lao động, biện pháp đảm bảo an ninh, trật tự, bảo vệ môi trường; phòng cháy chữa cháy nổ;
- h) Biện pháp xử lý khi xảy ra sự cố công trình xây dựng;
- i) Tiến độ thực hiện gói thầu;
- j) Biểu đồ huy động nhân sự, máy móc thiết bị sử dụng cho gói thầu;
- k) Danh mục vật tư chính sử dụng cho gói thầu theo quy định tại tiểu mục 7.2 chương này (Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị (kèm theo các tiêu chuẩn về phương pháp thử));
- l) Các nội dung cần thiết khác (do nhà thầu đề xuất);

Yêu cầu đối với giải pháp, biện pháp kỹ thuật thực hiện gói thầu do nhà thầu lập:

- + Phải đầy đủ các nội dung yêu cầu nêu trên;
- + Phải phù hợp với hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công công trình và các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành; chỉ dẫn kỹ thuật của công trình;
- + Phải chi tiết, cụ thể và phù hợp với tiến độ, nhân sự, thiết bị huy động sử dụng cho gói thầu;
- + Tiến độ thi công phải chi tiết theo ngày/tuần; Biểu tiến độ phải bao gồm các công tác chính của gói thầu theo quy định tại điểm (e) nêu trên;
- + Biểu đồ huy động nhân sự, máy móc thiết bị sử dụng cho gói thầu phải thể hiện rõ số lượng nhân lực; số lượng, chủng loại máy móc thiết bị sử dụng và phù hợp với biểu tiến độ thi công công trình;
- + Trong nội dung trình bày về thi công và nghiệm thu các công tác chính của gói thầu phải nêu rõ các loại máy phục vụ thi công; số lượng, vị trí nhân sự bố trí; các máy móc thiết bị này phải có trong biểu đồ huy động máy móc thiết bị sử dụng cho gói thầu; các tiêu chuẩn áp dụng và các cơ sở số liệu cụ thể để làm căn cứ nghiệm thu công việc.

2) Cách thức quản lý dự án:

Nhà thầu phải trình bày biện pháp tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường thuộc phạm vi của gói thầu, bao gồm các nội dung chính:

- + Biện pháp tổ chức, quy trình triển khai thi công xây dựng từ khi ký hợp đồng cho đến khi bàn giao nghiệm thu đưa vào sử dụng;
- + Biện pháp tổ chức quản lý hiện trường trong quá trình triển khai thi công đảm bảo đầy đủ các nội dung về chất lượng, tiến độ, an toàn;

+ Quy trình quản lý chất lượng (vật tư, máy móc thiết bị, nhân sự, an toàn lao động...); hồ sơ chất lượng đối với công trình;

+ Các nội dung cần thiết khác (do nhà thầu đề xuất).

3) Các biện pháp bảo đảm chất lượng;

Nhà thầu phải trình bày biện pháp bảo đảm chất lượng đối với các công việc thuộc phạm vi của gói thầu, bao gồm các nội dung chính:

+ Biện pháp bảo đảm chất lượng tổng thể cho cả công trình;

+ Biện pháp bảo đảm chất lượng vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công trình;

+ Biện pháp bảo đảm chất lượng chi tiết, cụ thể cho các công tác/công việc chính của gói thầu;

+ Các nội dung cần thiết khác (do nhà thầu đề xuất);

4) Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;

a) Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường: Nhà thầu phải lập và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường bao gồm môi trường không khí, môi trường nước, chất thải rắn, tiếng ồn và yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

Biện pháp bảo vệ môi trường phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật, phù hợp các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường hiện hành. Nhà thầu phải bồi thường thiệt hại do vi phạm về bảo vệ môi trường do mình gây ra.

b) Bảo đảm an toàn phòng cháy chữa cháy: Nhà thầu tự lập phương án và tổ chức thi công phải đảm bảo phòng chống cháy nổ, an ninh cho công trường theo quy định của nhà nước, mọi sự cố xảy ra nhà thầu phải chịu trách nhiệm. Trường hợp có sự cố nhà thầu phải báo cáo kịp thời và phối hợp với các cơ quan chức năng, chủ đầu tư để xác định nguyên nhân và khắc phục hậu quả, các chi phí phát sinh do việc xảy ra do nhà thầu chịu trách nhiệm. Nhà thầu cam kết tuân thủ các điều kiện phòng chống cháy nổ trong quá trình thi công.

c) Bảo đảm an toàn lao động: Trong quá trình thi công nhà thầu có trách nhiệm bảo đảm an toàn cho công trình, người lao động, thiết bị, phương tiện thi công làm việc trên công trường; phải bố trí người có đủ năng lực theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các quy định về an toàn thi công, tạm dừng hoặc dừng thi công khi phát hiện có sự cố gây mất an toàn, vi phạm an toàn. Nhà thầu phải đề xuất và thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn cho người, máy móc thiết bị, tài sản, công trình đang thi công, công trình ngầm và các công trình liền kề; máy, thiết bị, vật tư phục vụ thi công có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động phải được kiểm định về an toàn trước khi sử dụng. Biện pháp an toàn phải cụ thể, chi tiết và phù hợp với đề xuất về kỹ thuật, giải pháp kỹ thuật.

Công tác an toàn lao động tuân theo các quy định chung hiện hành và phù hợp với thực tế công trình xây dựng. Nhà thầu phải tuân thủ và thực hiện những quy định về an toàn lao động trong xây dựng theo TCVN 5308-1991 “Quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng”. Trong quá trình thi công nhà thầu phải mua bảo hiểm cho công nhân làm việc tại công trường. Nhà thầu phải cam kết thực hiện đầy đủ các yêu cầu cụ thể trong quá trình thi công trên công trường như sau:

+ Bảng nội quy cho công trường.

+ Bản vẽ mặt bằng thi công.

+ Nhà thầu phải có hợp đồng với người lao động trong đó có quy định đầy đủ rõ ràng các nội dung của hợp đồng về tiền lương, bảo hộ lao động.

+ Phải có trạm gác để bảo đảm an ninh trật tự trong quá trình thi công.

- + Các loại vật tư đến công trường lưu kho phải được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp
- + Nhà thầu phải bố trí cán bộ chuyên trách về an toàn lao động nhằm kịp thời nhắc nhở, kiểm tra các quy định về bảo đảm an toàn lao động.
- + Phải có biển cảnh báo nguy hiểm, biển báo chỉ dẫn, mái che bảo vệ và lan can an toàn tại những vị trí nguy hiểm;
- + Người lao động trên công trường phải có trang bị bảo hộ lao động, dây an toàn khi làm việc trên cao, giày hoặc ủng, mũ (nón) bảo hộ, găng tay, khẩu trang chống bụi...
- + Phải bố trí hệ thống chiếu sáng đầy đủ trên công trường, các tuyến đường giao thông đi lại, khu vực đang thi công vào ban đêm... Mạng điện sử dụng tại công trường phải hợp lý.

5) Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;

- + Nhà thầu thi công xây dựng có trách nhiệm bảo hành công trình do mình thi công. Nhà thầu cung ứng thiết bị có trách nhiệm bảo hành thiết bị do mình cung cấp. Nội dung bảo hành gồm khắc phục, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng, khiếm khuyết do lỗi của nhà thầu gây ra.
- + Thời gian bảo hành công trình, thiết bị công trình tối thiểu là 12 tháng tính từ thời điểm được Chủ đầu tư nghiệm thu. Thời gian bảo hành thiết bị (nếu có) không ngắn hơn thời gian bảo hành quy định của nhà sản xuất và được tính kể từ khi nghiệm thu hoàn thành công tác lắp đặt, vận hành thiết bị.
- + Biện pháp, hình thức bảo hành: bằng thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoặc hình thức khác trong trường hợp được Chủ đầu tư chấp thuận bằng văn bản;
- + Giá trị bảo hành công trình: Tối thiểu là 5% giá trị hợp đồng;
- + Việc lưu giữ, sử dụng, hoàn trả tiền bảo hành, tài sản đảm bảo, bảo lãnh bảo hành hoặc các hình thức bảo lãnh khác có giá trị tương đương: Cụ thể trong quá trình thương thảo hợp đồng;

Các nhà thầu chỉ được hoàn trả tiền bảo hành, tài sản đảm bảo, bảo lãnh bảo hành hoặc các hình thức bảo lãnh khác sau khi kết thúc thời hạn bảo hành và được Chủ đầu tư xác nhận đã hoàn thành trách nhiệm bảo hành.

6) Các yêu cầu khác:

6.1 Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát;

a) Kiểm tra chất lượng các hạng mục:

Việc kiểm tra chất lượng các hạng mục công trình được thể hiện trong hợp đồng và phải tuân thủ theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Việc kiểm tra chất lượng công trình được tiến hành khi Nhà thầu thông báo đề nghị nghiệm thu các phần công việc để chuyển tiếp giai đoạn thi công hoặc kết thúc công tác xây lắp của hạng mục công trình, hoặc theo yêu cầu của Chủ đầu tư khi trong quá trình thi công giám sát kỹ thuật thi công thấy không đảm bảo và tin cậy về mặt kỹ thuật.

Nhà thầu chịu trách nhiệm hoàn toàn về chất lượng sản phẩm mình đã thi công và có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các số liệu thí nghiệm, chứng chỉ vật liệu, bán thành phẩm cấu thành hạng mục công trình trước khi chuyển giao đoạn thi công bằng văn bản có xác nhận của cơ quan có tư cách pháp nhân. Các số liệu trên là một trong các căn cứ để nghiệm thu công trình.

Nhà thầu phải thực hiện bất kỳ những việc kiểm tra và thí nghiệm cần thiết khác dưới sự chỉ đạo của Chủ đầu tư khi xem xét thấy cần thiết để bảo đảm chất lượng công trình.

Khi kiểm tra chất lượng công trình, nếu kết quả không đạt tiêu chuẩn kỹ thuật thì Nhà thầu phải sửa chữa hoặc tháo dỡ làm lại sản phẩm đó bằng chính kinh phí của mình. Đồng thời phải có chứng chỉ chất lượng công trình của các công việc sửa chữa, làm lại đó.

b) Quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình

Các quy trình, quy phạm áp dụng cho thi công, nghiệm thu công trình là tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn ngành hiện hành. Áp dụng các tiêu chuẩn nước ngoài khi không có tiêu chuẩn Việt Nam tương ứng hoặc tiêu chuẩn nước ngoài đã được Chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước cho phép sử dụng.

Các giải pháp công nghệ do nhà thầu chọn và lập nhưng phải đảm bảo giải pháp thi công là hợp lý, tuân thủ các quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

c) Trao đổi công việc:

Mọi kiến nghị, yêu cầu của Nhà thầu liên quan đến xây lắp công trình đối với Chủ đầu tư đều phải thực hiện bằng văn bản và phải lưu trữ trong hồ sơ.

Các quyết định giải quyết các kiến nghị, yêu cầu của Nhà thầu, các quyết định chỉ đạo của Chủ đầu tư hoặc người được ủy quyền giải quyết cũng phải bằng văn bản.

Chỉ có Chủ đầu tư hoặc người được ủy quyền (bằng văn bản) mới có quyền đưa ra các chỉ thị, quyết định đối với Nhà thầu.

d) Các mốc thi công:

Sau khi nhận bàn giao mặt bằng thi công, mốc cao độ, tọa độ ranh giới tại công trường, Nhà thầu có trách nhiệm bảo quản mặt bằng thi công, mốc cao độ, tọa độ ranh giới trong suốt quá trình thi công, đồng thời phải xây dựng mốc phụ để khi cần thiết sẽ khôi phục lại.

6.2 Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị (kèm theo các tiêu chuẩn về phương pháp thử);

a) Yêu cầu chung:

Vật tư xây dựng, các thiết bị cung ứng để xây lắp công trình phải đảm bảo chất lượng, quy cách, chủng loại theo đúng yêu cầu của thiết kế được duyệt, khuyến khích các Nhà thầu sử dụng các loại vật liệu được đánh giá là tốt hơn yêu cầu của thiết kế để đưa vào công trình. Nhà thầu phải sử dụng các loại vật tư của các nhà sản xuất có giấy phép sản xuất, có chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, có đầy đủ các chứng chỉ đảm bảo tiêu chuẩn do cơ quan có chức năng của Việt Nam cấp, sản phẩm đạt chất lượng cao được thừa nhận trên thị trường.

Không được sử dụng các loại sản phẩm có chất lượng không ổn định, công nghệ sản xuất lạc hậu hoặc các sản phẩm không có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng hoặc sản phẩm của các cơ sở gia công nhỏ lẻ, sản lượng thấp, không có đăng ký nhãn hiệu, chất lượng sản phẩm như các loại dây điện, sắt gia công tổ hợp, vật tư nhái nhãn hiệu...

Vật tư, vật liệu trước khi đưa vào công trình phải được sự đồng ý, phê duyệt của Chủ đầu tư bằng văn bản. Trường hợp có sự thay đổi quy cách, chủng loại, xuất xứ vật tư, thiết bị thì phải được sự đồng ý của Chủ đầu tư mới được thực hiện. Sau khi được phép thay đổi thì bên B phải thử mẫu tại một đơn vị kiểm định có pháp nhân, có năng lực và được Chủ đầu tư chấp thuận. Đưa kết quả thử mẫu cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư xem xét kết luận, chi phí do Nhà thầu chi trả.

b) Yêu cầu cụ thể về đặc tính, thông số kỹ thuật, chủng loại một số loại vật tư, thiết bị chủ yếu sử dụng cho công tác xây lắp của gói thầu:

b.1) Yêu cầu kỹ thuật đối với vật tư sử dụng cho công trình:

Nhà thầu cung cấp đầy đủ thông tin cho các nội dung sau:

| Stt | Loại vật tư, vật liệu yêu cầu | Thông số kỹ thuật của vật tư, vật liệu yêu cầu | Đề xuất của nhà thầu đáp ứng thông số kỹ thuật yêu cầu (nêu tên, nguồn gốc, xuất xứ của vật tư, vật liệu) |
|-----|-------------------------------|--|---|
| 1 | Cát | TCVN 7570:2006 | - Đề xuất nguồn gốc xuất xứ vật tư, vật liệu huy động sử dụng |
| 2 | Đá cốt liệu, đá dăm các loại | TCVN 4453-1995; TCVN 4085:2011; TCVN 5573:2011; - Cốt liệu cho bê tông và vữa (yêu cầu kỹ thuật) và QCVN 16:2023/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng. | - Đề xuất nguồn gốc xuất xứ vật tư, vật liệu huy động sử dụng |
| 3 | Xi măng | TCVN 2682 – 1992, TCVN 2682:2020; TCVN 6260:2020 | - Đề xuất nguồn gốc xuất xứ vật tư, vật liệu huy động sử dụng |
| 4 | Gạch xây | Gạch đặc bê tông (gạch không nung) mác 100; Kích thước 65x105x220 hoặc kích thước theo nhà sản xuất phù hợp với cấu kiện xây. Đáp ứng TCVN 6477:2016. (Gạch bê tông). 1. Cường độ nén trung bình ≥ 10 Mpa 2. Cường độ nén nhỏ nhất $\geq 9,0$ Mpa 3. Độ thấm nước ≤ 16 L/m ² .h 4. Độ hút nước ≤ 12 % | - Đề xuất nguồn gốc xuất xứ vật tư, vật liệu huy động sử dụng |
| 5 | Bê tông thương phẩm (nếu có) | - Đảm bảo đúng tiêu chuẩn TCVN 9340:2012. - Mác bê tông, mác chống thấm (nếu có) theo chỉ dẫn tại thiết kế, độ sụt theo thiết kế và đảm bảo theo biện pháp, điều kiện thi công thực tế. | - Đề xuất nguồn gốc xuất xứ vật tư, vật liệu huy động sử dụng |
| 6 | Bê tông nhựa | Đảm bảo theo TCVN 13567-2022; TCVN 8819-2011; TCVN 7493-2005 | - Đề xuất nguồn gốc xuất xứ vật tư, vật liệu huy động sử dụng |

| Stt | Loại vật tư, vật liệu yêu cầu | Thông số kỹ thuật của vật tư, vật liệu yêu cầu | Đề xuất của nhà thầu đáp ứng thông số kỹ thuật yêu cầu (nêu tên, nguồn gốc, xuất xứ của vật tư, vật liệu) |
|-----|---|--|---|
| 12 | Gạch bê tông vân đá; Tấm đan BTXM; Bó vữa | Màu sắc và kích thước theo chỉ định ở bản vẽ thiết kế. | - Đề xuất nguồn gốc xuất xứ vật tư, vật liệu huy động sử dụng |
| 7 | Cây xanh (Cây Bàng Đài Loan) | Đảm bảo theo hồ sơ thiết kế | - Đề xuất nguồn gốc xuất xứ vật tư, vật liệu huy động sử dụng |
| 8 | Song chắn rác composite | Đảm bảo theo hồ sơ thiết kế | - Đề xuất nguồn gốc xuất xứ vật tư, vật liệu huy động sử dụng |
| 9 | Gạch ốp, lát các loại | Màu sắc và kích thước theo chỉ định ở bản vẽ thiết kế. | - Đề xuất nguồn gốc xuất xứ vật tư, vật liệu huy động sử dụng |
| 10 | Thiết bị, vật tư điện | Đảm bảo theo hồ sơ thiết kế | - Đề xuất nguồn gốc xuất xứ vật tư, vật liệu huy động sử dụng |
| 11 | Thiết bị, vật tư nước | Đảm bảo theo hồ sơ thiết kế | - Đề xuất nguồn gốc xuất xứ vật tư, vật liệu huy động sử dụng |

b.2. Yêu cầu kỹ thuật đối với thiết bị công trình:

Yêu cầu chung:

- Tất cả vật tư, thiết bị và dịch vụ liên quan được cung cấp theo hợp đồng phải có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp. Nhà thầu phải nêu rõ ký hiệu, mã hiệu, nhãn mác (nếu có) và xuất xứ của vật tư, thiết bị. Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp bằng chứng về xuất xứ của vật tư, thiết bị và tính hợp lệ của dịch vụ.

- Hàng hóa, thiết bị chào thầu và các linh kiện chính kèm theo phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng (ghi rõ nhãn mác, hãng sản xuất, không vi phạm về quyền sở hữu trí tuệ, sở hữu nhãn mác của Việt Nam và quốc tế) và phải đáp ứng (hoặc tốt hơn) các yêu cầu kỹ thuật HSMT; hàng hóa mới 100% chưa qua sử dụng, sản xuất năm 2024 trở lại đây, nguyên đai, nguyên kiện, đóng gói theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất; đối với các thiết bị lắp ráp phải đảm bảo tính đồng bộ khi vận hành và sử dụng;

- Đối với thiết bị sử dụng điện, yêu cầu nguồn cấp: theo tiêu chuẩn Việt Nam;

- Các thiết bị lắp đặt phải nguyên đai nguyên kiện, đóng gói theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất và chất lượng kỹ thuật, có đủ chứng chỉ cam kết bảo hành của nhà sản xuất, tài liệu kỹ thuật và các thuyết minh kỹ thuật của nhà sản xuất để quản lý, vận hành khai thác, sửa chữa, đảm bảo không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến những bất lợi trong quá trình sử dụng bình thường của toàn bộ thiết bị

- Nhà thầu phải cam kết cung cấp các tài liệu chứng minh về tính hợp lệ của hàng hóa khi giao hàng như sau:

+ Bản chính hoặc bản sao y được công chứng chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) và chứng nhận chất lượng hàng hóa (C/Q) đối với hàng nhập khẩu (nếu sử dụng bản sao y được công chứng nhà thầu phải cung cấp bản chính để đối chiếu khi có yêu cầu của Bên mời thầu).

+ Đối với hàng hóa trong nước nhà thầu phải cung cấp phiếu xuất xưởng hoặc giấy chứng nhận chất lượng của hàng hóa của nhà sản xuất.

+ Nhà thầu phải có bảng tuyên bố đáp ứng về kỹ thuật của thiết bị chào thầu theo mẫu sau:

| STT | Thiết bị | Xuất xứ hàng hóa <i>[ghi tên quốc gia, vùng lãnh thổ, ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất]</i> | Yêu cầu kỹ thuật theo E-HSMT | Thông số kỹ thuật chào thầu | Tài liệu kỹ thuật tham chiếu trong E-HSDT (nếu có) |
|-----|----------------------|--|------------------------------|-----------------------------|--|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 1 | Thiết bị 1: | | | | |
| | - Tính năng kỹ thuật | | | | Trang số.... của Cataloge..... |
| | ... | | | | ... |
| 2 | Thiết bị 2: | | | | |
| | - Tính năng kỹ thuật | | | | Trang số.... của Cataloge..... |
| | ... | | | | ... |

Ghi chú:

+ Cột 1, 2, 4: Nhà thầu ghi thông tin theo yêu cầu của E-HSMT;

+ Cột 3, 5: Nhà thầu ghi các thông tin của thiết bị dự thầu;

+ Cột 6: Nhà thầu ghi thông tin theo tài liệu chứng minh cho các thông tin nhà thầu kê khai tại cột (5).)

+ Ghi chú: Tất cả nội dung yêu cầu liên quan đến thương hiệu, mã hiệu, model, nguồn gốc (nếu có) trong E-HSMT chỉ mang tính tham khảo cho nhà thầu nhằm thuận lợi hơn trong quá trình đề xuất sản phẩm cho gói thầu; nhà thầu không bắt buộc phải chào theo yêu cầu về thương hiệu, mã hiệu, model, nguồn gốc (nếu có).

Yêu cầu cụ thể thông số kỹ thuật của thiết bị:

| STT | Tên thiết bị | Thông số kỹ thuật | Ghi chú |
|-----|--------------------------|---|---------|
| 1 | Máy tập xoay eo ba | Máy tập xoay eo ba - Vật liệu chính: Ống thép mạ kẽm điện phân - Trụ chính: D114x3(mm) - Ống phụ: D48x2,5(mm) - Xử lý bề mặt sơn tĩnh điện - KT: D1500 x R1500 x C1260(mm)±5% | |
| 2 | Máy đi bộ trên không đơn | Máy đi bộ trên không đơn Vật liệu chính: Ống thép mạ kẽm điện phân - Trụ chính: D140x4(mm) - Ống phụ: D90x3; D60x2.5; D48x2.5(mm) - Xử lý bề mặt sơn tĩnh điện - KT: D1052 x R520 x C1355(mm)±5% | |
| 3 | Máy tập tay vai đôi | Máy tập tay vai đôi - Vật liệu chính: Ống thép mạ kẽm điện phân - Trụ chính: D114x3(mm) - Ống phụ: D48x2,5(mm) - Xử lý bề mặt sơn tĩnh điện - KT: D1367 x R1197 x C1462(mm)±5% | |
| 4 | Xà đơn 2 cấp | Xà đơn 2 cấp - Vật liệu chính: Ống thép mạ kẽm điện phân - Trụ chính: D90x3(mm) - Ống phụ: Inox D34x3(mm) - Xử lý bề mặt sơn tĩnh điện - KT: D2997 x R300 x C2350(mm)±5% | |
| 5 | Xà kép 2 người | Xà kép 2 người - Vật liệu chính: Ống thép mạ kẽm điện phân - Trụ chính: D114x3(mm) - Ống phụ: D48x2.5; D42x2.5(mm) - Xử lý bề mặt sơn tĩnh điện - KT: D2107 x R630 x C1525(mm)±5% | |
| 6 | Máy chạy bộ ngoài trời | Máy chạy bộ ngoài trời - Vật liệu chính: Ống thép mạ kẽm điện phân - Trụ chính: D114x3(mm) - Ống phụ: D90x3; D48x3; D42x3(mm) - Xử lý bề mặt sơn tĩnh điện - KT: D1188 x R556 x C1517(mm)±5% | |
| 7 | Máy tập lưng bụng | Máy tập lưng bụng - Vật liệu chính: Ống thép mạ kẽm điện phân - Trụ chính: D114x3(mm) - Ống phụ: Hộp: 20x40x2; D48x2,5, D34x2,5(mm) - Xử lý bề mặt sơn tĩnh điện - KT: D1560 x R1366 x C670(mm)±5% | |
| 8 | Bập bênh trẻ em | Bập bênh trẻ em Kích thước: (D240*R60*C60)cm Tiêu chuẩn: Bộ giáo dục và đào tạo Chất liệu: Sắt sơn tĩnh điện, nhựa HDPE Màu sắc: Phối các màu | |

| | | | |
|---|--------------------------|--|--|
| 9 | Thiết bị tập lung eo đôi | Thiết bị tập lung eo đôi - Vật liệu chính: Ống thép mạ kẽm điện phân - Trụ chính: D114x3(mm) - Ống phụ: D60x2.5; D42x2.5(mm) - Xử lý bề mặt sơn tĩnh điện - KT: D1160 x R800 x C1260(mm)±5% | |
|---|--------------------------|--|--|

b.3) Yêu cầu về thiết bị thi công:

- Nhà thầu phải có bảng kê máy móc, thiết bị về số lượng, chủng loại các thiết bị xe, máy đưa vào thi công công trình đảm bảo có công suất và tính năng phù hợp, chất lượng còn tốt, có kiểm định theo quy định, đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường;

- Máy móc, thiết bị thi công đưa vào công trường nhà thầu phải có biện pháp đảm bảo vận hành tốt và an toàn.

7.3. Các nội dung khác:

a) Đối toàn bộ nhân sự nhà thầu đề xuất theo yêu cầu tại Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt, Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSMT, Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu theo Mẫu số 06B và Mẫu số 06C (Webform trên Hệ thống) và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bản, chứng chỉ có liên quan; Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình/hạng mục công trình, Quyết định thành lập ban chỉ huy công trường (hoặc tương đương) và Quyết định phê duyệt dự án (hoặc các tài liệu khác chứng minh loại và cấp công trình) trong quá trình đối chiếu tài liệu.

b) Đối với tài liệu chứng minh khả năng huy động thiết bị thi công, Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu theo Mẫu số 06D (Webform trên Hệ thống) và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản sao hóa đơn hoặc giấy đăng ký và bản sao đăng kiểm hoặc kiểm định còn hiệu lực (đối với các thiết bị có quy định về kiểm định. Đối với các thiết bị đi thuê, ngoài các tài liệu nêu trên, nhà thầu cung cấp hợp đồng nguyên tắc thuê máy) trong quá trình đối chiếu tài liệu.

IV. Các bản vẽ

E-HSMT này gồm có các bản vẽ thiết kế là tệp tin PDF được đính kèm trên Hệ thống.